

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NÔNG SƠN
TỈNH QUẢNG NAM**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 20/2023/HNGĐ - ST

Ngày 23/6/2023

Về: Ly hôn, tranh chấp nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NÔNG SƠN, TỈNH QUẢNG NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Phúc

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Chí Thanh.

Bà Phan Thị Ngọc Dung

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trường Danh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nông Sơn, tỉnh Quảng Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nông Sơn tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 6 năm 2023, tại Tòa án nhân dân huyện Nông Sơn, tỉnh Quảng Nam, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 09/2023/TLST-HNGĐ ngày 23/02/2023 về Ly hôn, tranh chấp nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2023/QĐXXST - HNGĐ, ngày 22/5/2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trương Thị Thu H, sinh năm 1984;

Địa chỉ: Tổ 12, phường Hòa Khánh Bắc, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng.

- Bị đơn: Anh Trần D, sinh năm 1982;

Địa chỉ: Thôn BY, xã PN, huyện Nông Sơn, Quảng Nam.

Chị Trương Thị Thu H có mặt, anh Trần D vắng mặt tại phiên tòa không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện đề ngày 27/12/2022, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Trương Thị Thu H trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Trương Thị Thu H và anh Trần D chung sống vợ chồng, tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 13/7/2007 tại UBND xã PN, huyện Nông Sơn, tỉnh Quảng Nam. Sau khi cưới, vợ chồng sống cùng với gia đình chị H tại thành phố Đà Nẵng cho đến khoảng năm 2020 thì ly thân. Trong quá trình chung sống, vợ chồng có

nhiều mâu thuẫn không tự giải quyết được. Nguyên nhân, theo chị H trình bày là do anh D thường xuyên cờ bạc, gây nợ nần; không chăm lo làm ăn và cũng không quan tâm đến gia đình, vợ con; từ năm 2022 đến nay, vợ chồng chị không còn sống chung, không liên lạc gì với nhau; chị H và các con sống cùng với gia đình của chị tại Tổ 12, phường Hòa Khánh Bắc, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng, còn anh D sinh sống cùng với bố mẹ anh tại thôn BY, xã PN, huyện Nông Sơn, tỉnh Quảng Nam. Nay, chị H thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án giải quyết để chị được ly hôn anh Trần D.

- Về con chung: Chị Trương Thị Thu H và anh Trần D có hai con chung: Trần Sỹ Hùng, sinh ngày 25/3/2007 và Trần Sỹ Hoàng, sinh ngày 28/11/2009; các cháu hiện nay đang đi học và sống cùng với chị H và gia đình chị tại Tổ 12, phường Hòa Khánh Bắc, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng. Tại phiên tòa, chị H tiếp tục có nguyện vọng được trực tiếp nuôi cả hai con và không yêu cầu anh D cấp dưỡng cho con.

- Về tài sản chung: Chị Trương Thị Thu H không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: Chị H trình bày hiện nay vợ chồng chị không có các khoản nợ chung.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã ban hành nhiều văn bản tố tụng và giải thích, tổng đạt các văn bản đó cho các đương sự. Theo bản tự khai ngày 16/3/2023, anh D thống nhất với lời trình bày của chị H về quá trình chung sống, tự nguyện đăng ký kết hôn, có con chung và xác nhận vợ chồng có mâu thuẫn nhưng không lớn nên đề nghị được giải quyết để vợ chồng được đoàn tụ. Tuy nhiên, anh Trần D không hợp tác, cố tình trốn tránh và không đến Tòa án để trình bày lời khai bổ sung; không tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và các phiên hòa giải mặc dù đã được nhận hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án theo quy định của pháp luật. Tại các phiên tòa, anh Trần D vắng mặt không có lý do và cũng không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Tại các biên bản ghi lời khai ngày 28/3/2023, các cháu Trần Sỹ Hùng và Trần Sỹ Hoàng đều có nguyện vọng được sống cùng với chị Trương Thị Thu H trong trường hợp chị H và anh D ly hôn. Các cháu Hùng, Hoàng không có đề nghị anh D cấp dưỡng để chị H nuôi dưỡng các cháu đến khi thành niên.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nông Sơn phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và các đương sự cơ bản chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên, việc thông báo quyền lựa chọn hòa giải cho người khởi kiện thực hiện chưa đúng quy định của Luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án và việc tổng đạt thông báo thụ lý vụ án cho bị đơn trễ hạn so với quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét và chấp nhận toàn bộ yêu cầu của chị Trương Thị Thu H về việc ly hôn anh Trần D; về con chung, đề nghị giao con chung là các cháu Trần Sỹ Hùng, sinh ngày 25/3/2007 và

Trần Sỹ Hoàng, sinh ngày 28/11/2009 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi các cháu thành niên. Về cấp dưỡng cho con, tài sản chung và nợ chung, chị H không yêu cầu giải quyết nên không đề nghị xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về tố tụng:

1.1. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Trương Thị Thu H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, tranh chấp nuôi con với anh Trần D, sinh năm 1982, trú tại thôn BY, xã PN, huyện Nông Sơn, tỉnh Quảng Nam thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng Dân sự. Theo đó, căn cứ điểm a, khoản 1 Điều 35; điểm a, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 51 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án nhân dân huyện Nông Sơn, tỉnh Quảng Nam thụ lý, giải quyết vụ án là đúng quy định của pháp luật tố tụng về thẩm quyền.

1.2. Về việc giải quyết, xét xử vắng mặt đương sự: Anh Trần D đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án nhưng không hợp tác; không tham gia các phiên họp, phiên hòa giải do Tòa án tiến hành nên Tòa án căn cứ các quy định của pháp luật tố tụng để xem xét, giải quyết vụ án theo thủ tục chung. Tại phiên tòa, anh D vắng mặt lần thứ hai nhưng không có lý do và không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, do đó Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt anh Trần D.

2. Về nội dung vụ án:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trương Thị Thu H và anh Trần D chung sống vợ chồng, có đăng ký kết hôn vào ngày 13/7/2007 tại UBND xã PN, huyện Nông Sơn, tỉnh Quảng Nam; quá trình tranh tụng giải quyết vụ án và tại phiên tòa thể hiện việc chung sống và đăng ký kết hôn của họ là tự nguyện, không bị lừa dối, ép buộc, không vi phạm điều kiện kết hôn và không thuộc trường hợp cấm kết hôn theo quy định tại các Điều 9,10 Luật Hôn nhân gia đình năm 2000. Từ đó, Hội đồng xét xử xác định quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh D là hợp pháp.

Trong quá trình chung sống, vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, hiện tại vợ chồng không còn chung sống với nhau. Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng là do anh D thường hay cơ bạc, gây nợ nần; không quan tâm, chăm sóc gia đình, vợ và các con. Điều đó làm ảnh hưởng đến tình nghĩa vợ chồng, đến việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ của vợ chồng, trong đó có nghĩa vụ chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các con chung cho đến khi các cháu thành niên. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa chị H kiên quyết xin ly hôn anh D. Anh D không hợp tác; không tham gia các phiên họp, phiên hòa giải do Tòa án tiến hành; vắng mặt tại phiên tòa không có lý do nên Tòa án không thể hòa giải để các đương sự đoàn tụ được. Xét thấy đời sống vợ chồng của chị H và anh D có

nhiều mâu thuẫn, tình trạng hôn nhân của họ trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được và đời sống chung không thể kéo dài nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu của chị H về quan hệ hôn nhân để chị H được ly hôn anh Trần D.

2.2. Về con chung:

- Về người trực tiếp nuôi con:

Khi ly hôn, chị Trương Thị Thu H có nguyện vọng được nuôi cả 02 con: Trần Sỹ Hùng, sinh ngày 25/3/2007 và Trần Sỹ Hoàng, sinh ngày 28/11/2009. Xét thấy các cháu Hùng và Hoàng đang trong giai đoạn phát triển, hoàn thiện về thể chất, nhận thức, tâm sinh lý; từ nhỏ các cháu đã được sống cùng và được nhận sự chăm sóc của mẹ; hiện tại đang theo học bình thường như những trẻ em khác tại thành phố Đà Nẵng và các cháu cũng có nguyện vọng được tiếp tục chung sống với mẹ khi ba và mẹ cháu ly hôn. Tại thời điểm giải quyết vụ án, chị Trương Thị Thu H không bị hạn chế quyền được chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung theo quy định pháp luật nên cần giao cả 02 cháu cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các cháu thành niên nhằm đảm bảo sự phát triển tốt nhất về thể chất, nhận thức, tâm sinh lý và tình cảm giữa các cháu; đảm bảo cho các cháu được tiếp tục học tập trong môi trường bình thường, ổn định; điều đó cũng phù hợp với nguyện vọng của các cháu Hùng, Hoàng trong quá trình giải quyết vụ án.

- Về cấp dưỡng cho con: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

2.3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị H không yêu cầu xem xét, phân chia tài sản chung của vợ chồng và trình bày hiện nay vợ chồng không có các khoản nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về án phí: Các đương sự có nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, các Điều 35, 39, 147, 227, 228, 235, 264, 266 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XIV quy định về mức thu, miễn, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Trương Thị Thu H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trương Thị Thu H được ly hôn với anh Trần D. Quan hệ hôn nhân chấm dứt kể từ thời điểm Bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Chị Trương Thị Thu H được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục các cháu Trần Sỹ Hùng, sinh ngày 25/3/2007 và Trần Sỹ Hoàng, sinh ngày 28/11/2009 cho đến khi các cháu thành niên.

Quyền và nghĩa vụ của cha mẹ đối với con chưa thành niên được thực hiện theo quy định tại các Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

Tòa án có thể xem xét, quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng cho con theo quy định của pháp luật, nếu có yêu cầu.

3. Về Án phí: Chị Trương Thị Thu H có nghĩa vụ chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí mà chị H đã nộp, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003084, ngày 23/02/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nông Sơn, tỉnh Quảng Nam.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự (*Để thi hành*);
- TAND tỉnh Quảng Nam;
- Viện KSND huyện Nông Sơn;
- Chi cục THADS huyện Nông Sơn;
- UBND Phường Hòa Khánh Bắc, quận Liên Chiểu, Tp. Đà Nẵng.
- Lưu: Hồ sơ vụ án, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hữu Phúc